TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2021/HS-ST Ngày 29 - 6 - 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Đỗ Ngọc Phan.

2. Bà Lê Thị Dệt.

Thư ký phiên toà: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 15/6/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 11/4/1991 tại xã TB, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn HS, xã TB, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; con bà Vũ Thị T1, sinh năm 1969; gia đình có 2 anh em; bị cáo là con đầu; bị cáo chưa có vợ, chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 29/3/2021 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá; bị cáo tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

1. Anh Ngô Công T2, sinh năm 1974.

Địa chỉ: TT, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Bùi Hữu T, sinh ngày 15/10/2003.

Địa chỉ: TT, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Mai Trọng N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tiểu khu TC x, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trần Văn L1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tiểu khu NT, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Vũ Thị T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn HS, xã TB, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T1, vắng mặt anh T2, anh T3, anh N và anh L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 20 phút ngày 26/3/2021, Nguyễn Văn L sinh năm 1991 trú tại Thôn HS, xã TB, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave an pha, màu đen BKS 36B5 - 914.06 đi đến xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa để ăn sáng. Sau khi ăn sáng xong, L đi qua nhà anh Ngô Công T2, thấy cửa đang mở, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L dựng xe ở ngõ rồi đi bộ vào trong nhà thì thấy có 1 điện thoại Iphone 6S màu vàng và 1 điện thoại NOKIA 105 màu đen đang để trên bàn uống nước, L lấy trộm 2 điện thoại rồi lên xe đi tiếp được khoảng 500m thì phát hiện nhà anh Bùi Hữu T đang mở cửa, không có người trông coi nên L lẻn vào phòng khách lấy 1 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy J7 màu vàng và 1 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 107 màu đen đang để trên tủ rồi đi ra ngoài.

Sau khi lấy trộm được 4 chiếc điện thoại, L đến cửa hàng điện thoại di động NN của anh Mai Trọng N bán chiếc điện thoại Iphone 6S màu vàng được 600.000đ và điện thoại di động SAMSUNG Galaxy J7 được 800.000đ, sau đó L đến cửa hàng điện thoại HL của anh Trần Văn L1 bán điện thoại NOKIA 105 được 100.000đ và 1 điện thoại NOKIA 107 được 100.000đ. Toàn bộ số tiền bán điện thoại L đã tiêu xài hết.

Anh Ngô Công T2 báo cáo: Ngày 26/3/2021 khi anh đang đun nước uống dưới bếp, sau khi đun xong lên phòng khách thì phát hiện mất 1 điện thoại Iphone 6S màu vàng vàng và 1 điện thoại NOKIA 105 màu đen.

Anh Bùi Hữu T báo cáo: Sáng ngày 26/3/2021 anh bị mất trộm 1 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy J7 màu vàng và 1 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 107 màu đen.

Chiều ngày 26/3/2021 Nguyễn Văn L đến Cơ quan Công an huyện Nông Cống đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 29/3/2021 của HĐĐG tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng trị giá 2.100.000đ; 01 điện thoại

SAMSUNG Galaxy J7 màn hình cảm ứng màu vàng đã qua sử dụng trị giá 1.600.000đ; 01 điện thoại NOKIA 105 bàn phím màu đen đã qua sử dụng trị giá 150.000đ; 01 điện thoại NOKIA 107 bàn phím màu đen đã qua sử dụng trị giá 250.000đ; 02 sim nhà mạng Viettel trị giá 50.000đ; 01 sim nhà mạng Vinaphone trị giá 25.000đ ; 1 sim nhà mạng Mobiphone trị giá 25.000đ; 1 vỏ ốp điện thoại màu đen đã qua sử dụng trị giá 10.000đ. Tổng giá trị tài sản là 4.200.000đ.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSNC ngày 01/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật và tuyên phạt bị cáo cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Xác định các bị cáo đã thực hiện xong về phần dân sự.

Về xử lý vật chứng: Xác định số tiền 1.600.000đ bị cáo bán điện thoại nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu để nộp vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đã nhận thức được tội lỗi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn L:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai các bị cáo tại giai đoạn điều tra, vật chứng thu được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh:

Khoảng 7 giờ 20 phút sáng ngày 26/3/2021 Nguyễn Văn L, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Ngô Công T2 1 điện thoại Iphone 6S màu vàng vàng trị giá 2.100.000đ; 1 điện thoại NOKIA 105 màu đen trị giá 150.000đ và chiếm đoạt của anh Bùi Hữu T 1 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy J7 màu vàng trị giá 1.600.000đ; 1 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 107 màu đen trị giá 250.000đ kèm theo 4 sim điện thoại của anh T2 và anh T3 có giá trị 100.000đ và 1 ốp điện thoại trị giá 10.000đ. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn L chiếm đoạt của anh Ngô Công T2 và anh Bùi Hữu T là: 4.210.000đ (bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Như vậy, bản cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Trọng Ngọc và Trần Văn L1 có hành vi mua điện thoại bị cáo trộm cắp, tuy nhiên khi anh N và anh L1 mua điện thoại không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan chức năng không xử lý đối với anh N và anh L1 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người còn trẻ nhưng không chịu lao động chân chính mà đi trộm cắp tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu cá nhân. Vì vậy cần phải lên cho bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thuộc các trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên bị cáo là người nghiện ma túy, đang trong danh sách theo dõi của Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, bị cáo không được xác định là có nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt: Bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, để tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn và giúp bị cáo có thể cai nghiện ma túy, cần phải áp dụng Điều 38 của Bộ luật hình sự để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung nhưng được xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu bồi thường dân sự nên ghi nhận bị cáo đã thực hiện xong trách nhiệm về phần dân sự.

[7] Xử lý vật chứng:

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng màn hình cảm ứng; 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy J7 màn hình cảm ứng màu vàng; 01 điện thoại NOKIA 105 bàn phím màu đen; 01 điện thoại NOKIA 107 bàn phím màu đen đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

02 phôi sim nhà mạng Viettel; 1 vỏ ốp điện thoại màu đen; 01 phôi sim nhà mạng Vinaphone; 1 phôi sim nhà mạng Mobiphone Cơ quan CSĐT truy tìm nhưng không thấy nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đen bạc BKS 36B5 - 914.06 bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản, sau khi Cơ quan CSĐT xác minh làm rõ thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Thuân và bà Vũ Thị T1 là bố mẹ của bị cáo, khi bị cáo lấy xe đi và sử dụng vào việc trộm cắp tài sản thì chủ sở hữu tài sản không biết nên việc cơ quan CSĐT không thu giữ chiếc xe máy này cũng là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền bị cáo bán điện thoại cho anh N và anh L1 nhưng anh N và anh L1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại, xác định đây là khoản tiền do phạm tội mà có, vì vậy cần truy thu của bị cáo để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt Nguyễn Văn L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (26/3/2021).

3. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Truy thu của Nguyễn Văn L số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyễn Văn L phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo và bà Thúy, vắng mặt anh T2, anh T3, anh N và anh L1. Bị cáo và bà Thúy có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T2, anh T3, anh N và anh L1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS Nông Cống;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh